

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vùng có tỉ lệ dân thành thị lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2: Biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là

- A. kết von.
- B. xói mòn.
- C. nhiễm phèn.
- D. rửa trôi.

Câu 3: Loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất phù sa.
- B. Đất phèn.
- C. Đất feralit.
- D. Đất mặn.

Câu 4: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

- A. có một số nguồn nước khoáng.
- B. rừng tự nhiên có diện tích lớn.
- C. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.
- D. có mật độ sông ngòi khá cao.

Câu 5: Ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng phát triển, nhu cầu du khách, có nhiều di tích.
- B. chính sách, chất lượng cuộc sống tăng, tài nguyên đa dạng.
- C. vị trí thuận lợi, dân cư tập trung đông, mức sống dân cao.
- D. tài nguyên đa dạng, hiện đại sân bay, hợp tác với quốc tế.

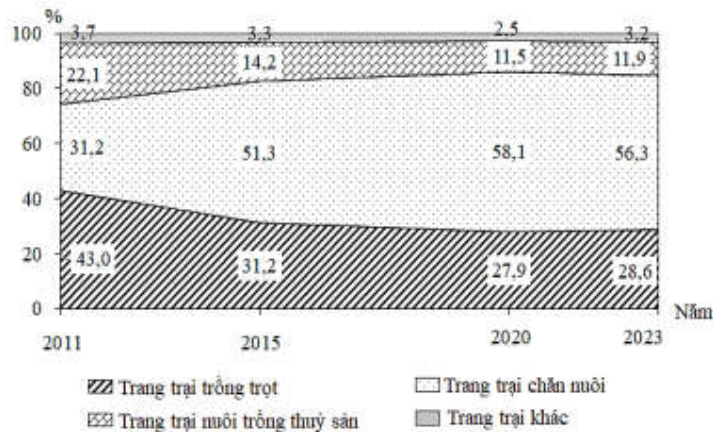
Câu 6: Cây công nghiệp lâu năm ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu có nguồn gốc

- A. xích đạo và nhiệt đới.
- B. ôn đới và xích đạo.
- C. nhiệt đới và ôn đới.
- D. cận nhiệt và ôn đới.

Câu 7: Cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới ở nước ta là

- A. cà phê, điều.
- B. cà phê, hồ.
- C. chè, tiêu.
- D. chè, quế.

Câu 8: Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại trồng trọt tăng không ổn định.
- B. Giai đoạn 2011 – 2023, tỉ trọng trang trại chăn nuôi giảm mạnh liên tục.
- C. Trang trại chăn nuôi và trang trại nuôi trồng thủy sản có tỉ trọng giảm.
- D. Tỉ trọng trang trại trồng trọt luôn lớn hơn trang trại nuôi trồng thủy sản.

Câu 9: Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về trồng trọt ở vùng đồi núi Bắc Trung Bộ là

- A. sử dụng giống mới, đẩy mạnh sản xuất hợp tác xã.
- B. đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển cây hàng năm.
- C. thu hút đầu tư, đẩy mạnh sản xuất trang trại lớn.

D. chuyên canh các cây lâu năm, gắn với chế biến.

Câu 10: Điều kiện chủ yếu về mặt tự nhiên để Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè là

A. khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.

B. khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.

C. địa hình phân bậc, nhiều loại đất.

D. nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất nhiệt đới tăng dần so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động của

A. vị trí gần xích đạo, Tín phong bán cầu Bắc ưu thế, núi thấp hơn.

B. gió hướng đông bắc tăng cường, độ cao của địa hình, vị trí địa lí.

C. vĩ độ địa lí, hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc giảm sút.

D. gió Tây hoạt động mạnh, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới tồn tại lâu.

Câu 12: Loại hình giao thông ở nước ta ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics là

A. đường ô tô.

B. đường biển.

C. đường hàng không.

D. đường sắt.

Câu 13: Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

A. mặt trời.

B. than nâu.

C. than đá.

D. dầu mỏ.

Câu 14: Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

A. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.

B. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.

C. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.

Câu 15: Ngoại thương nước ta hiện nay

A. tỷ trọng nhóm hàng sơ chế, nguyên liệu thô tăng.

B. chủ yếu nhập khẩu máy móc và thiết bị hiện đại.

C. chỉ xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản, da giày.

D. thị trường xuất khẩu và nhập khẩu kém đa dạng.

Câu 16: Trung tâm du lịch cấp quốc gia ở nước ta là

A. Quảng Ninh.

B. Hải Phòng.

C. Nha Trang.

D. Huế.

Câu 17: Tỉnh nào sau đây ở nước ta tiếp giáp với hai quốc gia trên đất liền?

A. Đắk Lắk.

B. Quảng Nam.

C. Kon Tum.

D. Gia Lai.

Câu 18: Đô thị nước ta hiện nay

A. chỉ có lao động công nghiệp.

B. có sức hút ít đối với đầu tư.

C. có trình độ phát triển hiện đại.

D. đóng góp lớn vào tổng GDP.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. *Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai*

Câu 1: Cho bảng số liệu:

GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia giai đoạn 2019 – 2022

(Đơn vị: nghìn đô la)

Quốc gia	2019	2020	2021	2022
In – đô – nê – xi – a	30,7	27,2	31,4	37,1
Ma – lai – xi – a	11,1	10,1	11,1	12,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

a) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

b) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a tăng liên tục.

c) Giai đoạn 2019 - 2022, GDP bình quân đầu người của Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a có sự chênh lệch chủ yếu do sự khác biệt về quy mô nền kinh tế và tổng số dân.

d) Biểu đồ tròn là biểu đồ thích hợp nhất để so sánh GDP bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai xi-a năm 2019 và 2022.

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau: Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của nước ta, nhất là các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Tiêu biểu là cây chè, chiếm hơn 3/4 diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng. Cà phê được trồng ở khu vực Tây Bắc chủ yếu ở Sơn La và Điện Biên.

a) Cà phê được trồng chủ yếu ở vùng núi cao Tây Bắc.

b) Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng hàng hóa là đẩy mạnh quảng canh, sử dụng tiến bộ kỹ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.

c) Cây chè được trồng theo hướng tập trung chủ yếu do sản xuất theo hướng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

d) Chè là cây công nghiệp quan trọng nhất của trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Các dịch vụ viễn thông nước ta đang phát triển theo hướng chuyển đổi số và liên quan chặt chẽ đến các hoạt động dịch vụ khác. Mạng lưới viễn thông được mở rộng và phát triển nhanh. Các dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, internet, dịch vụ mạng và các dịch vụ khai thác công nghệ. Số thuê bao điện thoại khá ổn định và số thuê bao internet tăng nhanh. Nước ta là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh trên thế giới.

a) Dịch vụ viễn thông đa dạng, số thuê bao điện thoại tăng nhanh trong những năm gần đây.

b) Nước ta có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh nhất thế giới.

c) Ngành viễn thông nước ta có sự phát triển vượt bậc chủ yếu do vốn đầu tư, nhu cầu tăng cao và ứng dụng khoa học - công nghệ.

d) Mạng lưới viễn thông nước ta đang phát triển nhanh theo hướng chuyển đổi số.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Ở miền Bắc, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi bắt đầu từ độ cao khoảng 600 – 700 m đến 2600 m, ở miền Nam từ khoảng 900 – 1000 m đến 2600 m. Khí hậu mát mẻ, tổng nhiệt độ dao động từ 4500°C đến 7500°C, mùa hè mát, mưa nhiều, độ ẩm cao. Do nhiệt độ giảm làm hạn chế quá trình phân hủy chất hữu cơ nên hình thành các loại đất feralit mùn, đất xám mùn trên núi.

a) Đây là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông - tây.

b) Khí hậu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi mát mẻ, mùa hè nóng và khô.

c) Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc có độ cao thấp hơn ở miền Nam chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí xa xích đạo, gió mùa Đông Bắc.

d) Tổng nhiệt độ và nhiệt độ trung bình năm ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi thấp hơn đai nhiệt đới gió mùa.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng của Hà Nội tại trạm Hà Đông năm 2023

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	28,4	21,5	48,4	79,3	187,0	220,8	275,6	318,6	226,7	181,4	84,9	51,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, tháng mưa nhiều nhất của Hà Nội tại trạm Hà Đông gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị lần).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 – 2023

Năm	2010	2023
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	2 992,3
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	19 976,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

Cho biết năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2023 tăng lên bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha)

Câu 3: Năm 2021, dân số nước ta là 98,5 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số là 0,94%. Nếu tỉ lệ gia tăng dân số không đổi, hãy cho biết năm 2026, dân số của nước ta đạt bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người).

Câu 4: Biên độ nhiệt trung bình của Hà Nội năm 2023 là $13,3^{\circ}\text{C}$, biên độ nhiệt trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh thấp hơn Hà Nội $8,8^{\circ}\text{C}$, tính biên độ nhiệt năm của TP. Hồ Chí Minh năm 2023 (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$).

Câu 5: Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta là 683 tỉ USD, trong đó Đồng bằng sông Hồng chiếm 32%. Tính giá trị xuất nhập khẩu của Đồng bằng Sông Hồng năm 2023? (làm tròn đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô và tỉ suất chết thô của nước ta năm 2020 và năm 2023

(Đơn vị: %)

Năm	2020	2023
Tỉ suất sinh thô	16,3	14,2
Tỉ suất chết thô	6,1	5,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2023 giảm bao nhiêu % so với năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng thập phân thứ 2 của đơn vị %).

----- HẾT -----